

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỒN NGUYỄN KINH

Tập 1

Chủ giảng: Pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Tháng 5 năm 1998

Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội Singapore

Chư vị đồng học!

Trong những năm qua, khi một đạo tràng mới xây dựng xong, bộ kinh đầu tiên tôi nhất định sẽ giảng là “Địa Tạng Bồ Tát Bồn Nguyễn Kinh”. Tại sao phải giảng bộ kinh này? Xây dựng Phật pháp không thể xa lìa cơ sở vật chất, chúng ta dùng cách nói hiện nay là nhất định phải có đất đai, phải có phòng ốc, phải có kiến trúc. Sau khi có cơ sở vật chất rồi thì chúng ta mới có nơi chốn để tu đạo. Nhưng tu đạo phải dựa vào những gì? Chúng ta nhất định phải biết. Tu đạo nhất định phải dựa vào tâm địa, kinh Địa Tạng chính là khóa học đầu tiên của chúng ta. Sau khi đã có cơ sở vật chất rồi, bên trong cơ sở tinh thần quan trọng nhất là *tâm địa pháp môn*. Thế nên bộ kinh đầu tiên chúng ta nhất định phải giảng là Địa Tạng Bồ Tát Bồn Nguyễn Kinh để làm nền tảng cho sự tu học Đại thừa. Nếu như không hiểu tâm địa pháp môn, không biết phải bắt đầu tu từ tâm địa thì đến sau cùng quyết định sẽ chẳng thành công. Hay nói cách khác, bất luận bạn có dụng công, có nỗ lực như thế nào, có phấn đấu mạnh mẽ, có tinh tấn thế nào đi nữa, thì bạn cũng vẫn y như cũ, không thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, những gì bạn tu cũng chỉ là phước báo hữu lậu mà thôi. Đại thừa ở Trung Quốc là dùng “tứ đại Bồ Tát” làm biểu pháp, vị thứ nhất chính là Địa Tạng Bồ Tát. Từ Địa Tạng Bồ Tát lại mở rộng ra là Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Âm [tiêu biểu] cho đại từ đại bi. Địa Tạng [tiêu biểu] cho hiếu kính.

Tại sao ngày nay Phật pháp lại suy thoái đến như vậy? Tại sao người tu hành không thể thành tựu rạng rỡ như người thời xưa? Vì mọi người đã quên mất cội gốc rồi, bắt đầu, bắt kính. Kiểu tu học này, lúc trước thầy Lý thường nói là giỡn chơi với Phật pháp, họ không phải tu học Phật pháp, cũng không phải hoằng dương Phật pháp, mà là giỡn chơi với Phật pháp, tiêu khiển Phật pháp, không có gì làm nên đi tìm tiêu khiển giải trí, lấy Phật pháp để tiêu khiển! Đích thật là như vậy, lời thầy Lý nói không quá đáng tí nào. Chúng ta thử nghĩ xem có phải chính mình cũng đang tiêu khiển Phật pháp hay không? Cũng đang giỡn chơi với Phật pháp hay không? hay là chỉ tu một chút phước báo hữu lậu mà thôi. Mà chút phước báo này nhất định không thể hưởng ở nhân gian, đến nơi nào hưởng vậy? Hưởng ở cõi súc sanh, hưởng cõi ngạ quỷ, đến ác đạo hưởng. Tại sao không thể hưởng ở cõi người? Tư cách làm người của bạn không có. Cho nên những phước đã tu được không thể hưởng ở cõi người, chúng ta phải rõ ràng. Làm người thì phải biết “hiếu thân, tôn sư”, phước thứ nhất của Tam phước nói trong Quán Kinh là: “*Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu thập thiện nghiệp*”, được vậy thì bạn mới được thân người, những phước báo mà bạn tu được mới có thể hưởng ở cõi người, cõi trời. Nếu không làm được bốn điều này thì những phước báo bạn tu được nhất định hưởng ở ác đạo, chúng sanh trong ác đạo cũng có phước báo rất lớn. Những lý và sự này chúng ta đều hiểu rõ, nhưng chúng ta không thể chuyển đổi trở lại, nói cách khác thì đã hiểu rõ nhưng làm không được. Tại sao làm không được? Nói thật ra là vì không hiểu thấu triệt đối với những sự -lý này. Nếu thật sự thấu triệt rồi thì nhất định họ có thể sám trừ nghiệp chướng, có thể quay

đầu là bờ. Thế nên khi đạo tràng mới thành lập, kinh Địa Tạng Bồ Nguyện nhất định không thể thiếu, nhất định phải giảng.

Chư vị đồng tu đến đây tham học, hôm nay chúng tôi đem khóa học này đặt làm khóa trình chủ yếu, thời gian tuy không nhiều nhưng chúng tôi nhất định sẽ giảng tường tận những điểm chính yếu. Ngoài ra, những phần cổ đức đã chú giải tường tận, Pháp sư Thánh Nhất đã giảng giải bằng ngôn ngữ thông tục, quý vị có thể dùng đó làm tham khảo. Tương lai quý vị hoằng dương Phật pháp ở trong nước và ngoài nước, mỗi khi đến một đạo tràng mới [thành lập] trước hết nên giảng kinh Địa Tạng Bồ Nguyện, rồi sau mới giảng kinh Vô Lượng Thọ, khuyến hộ niệm Phật vãng sanh, đây là quy củ nhất định.

Địa Tạng Bồ Tát Bồ Nguyện Kinh Khoa Chú là do Pháp sư Linh Kiệt soạn vào đầu đời nhà Thanh, Ngài là người thời vua Khang Hy, đầu đời nhà Thanh, chú giải hay vô cùng. Chúng ta đọc chú giải của Ngài, phải lắng lòng thể hội, phải dùng ngôn ngữ hiện đại để diễn đạt, dùng quan niệm của người hiện nay để thuyết minh thì mọi người mới dễ dàng tiếp nhận. Chú giải này bao gồm năm phần:

Phần thứ nhất là “Luân Quán”, luân quán chính là lúc chưa giảng kinh văn trước tiên sẽ giới thiệu một cách khái lược về đại ý của toàn kinh. Trong Luân Quán bao gồm năm phần huyền nghĩa, đây là phần thứ nhất.

Phần thứ hai là dạy chúng ta phương pháp quán như thế nào, cũng chính là dạy chúng ta học tập bộ kinh này, làm sao đem quan niệm thay đổi trở lại.

Phần thứ ba là giới thiệu đại ý của toàn kinh, Luân Quán của Ngài viết rất dài, phần này rất quan trọng. Ở phần huyền nghĩa hoàn toàn y theo phương cách của Tông Thiên Thai, thuyết minh giải thích “đề kinh”. Biện Thể, “thể” là chỗ y cứ của lý luận, đức Phật căn cứ vào những gì để giảng bộ kinh này? Sau khi chúng ta sáng tỏ thì đối với bộ kinh này đối với lời thuyết pháp của đức Phật mới có thể sanh khởi lòng tin kiên định. Phần thứ ba là Minh Tông, Minh Tông là giảng về tu hành, hay nói cách khác là làm sao đem những đạo lý này, những lý luận này biến thành hiện thực trong đời sống của chúng ta.

Phần thứ tư là Luận Dụng, chúng ta y theo phương pháp này tu học đạt được những công đức và lợi ích gì.

Cuối cùng là phần thứ năm nói về Giáo Tướng, chính là nói phương thức và nghi quy giáo học của Thế Tôn.

Trong năm khoa mục này, pháp sư đều dùng ba chữ “bất tư nghị”. Đề kinh là dùng *người* và *pháp* không thể nghĩ bàn để lập danh, “Địa Tạng Bồ Tát” không thể nghĩ bàn, “bồ nguyện” không thể nghĩ bàn; Địa Tạng Bồ Tát là người, bồ nguyện là pháp. Trong phần Biện Thể, Ngài nói “tánh thức” không thể nghĩ bàn làm thể, “tánh” chính là chân như bản tánh, sở chứng của chư Phật Như Lai; “thức” là chỗ dụng tâm của chín pháp giới phàm phu, chín pháp giới phàm phu còn trong mê, lúc mê không gọi là tánh, mà gọi là thức; tánh là chân tâm, thức là vọng tâm. Hay nói cách khác, Ngài nói về tâm địa chân thật và vọng tâm của chín pháp giới chúng sanh, dùng làm cơ sở lập luận, như vậy quá hoàn hảo! Phật giảng bộ kinh này, y cứ vào cái gì? Y cứ vào chân tâm của chư Phật Như Lai, lại y cứ vọng tâm của chín pháp giới chúng sanh, vì chúng ta giảng bộ kinh này, y cứ của lập luận kinh này có thể nói là vô cùng chân thật. Tánh địa không thể nghĩ bàn, chúng ta nói Địa Tạng, tánh địa là chân tâm không thể nghĩ bàn, vọng tâm đó của chín pháp giới chúng sanh cũng không thể nghĩ bàn.

Dùng thể của tánh thức không thể nghĩ bàn làm kinh, lại còn dùng hạnh nguyện không thể nghĩ bàn làm tông chỉ, tông chỉ của toàn kinh. Đại hạnh đại nguyện của Địa Tạng Bồ Tát đều không thể nghĩ bàn. Lại dùng phương tiện không thể nghĩ bàn làm dụng, việc này có thể nhìn thấy rất rõ ràng trong toàn bộ kinh điển, dạy chúng ta biết cách học tập như thế nào. Cuối cùng là dùng khai hiển Vô thượng Bồ-đề không thể nghĩ bàn làm Giáo Tướng. Nếu dùng năm loại thí dụ này của đại đức thời xưa để thí dụ Giáo Tướng, dùng sữa, sữa chua, kem, bơ và pho mát để tiêu biểu cho năm giai đoạn của Phật pháp. Địa Tạng Bồ Tát Nguyên là đại pháp vô thượng, cơ sở là đại pháp vô thượng, đương nhiên thành tựu sẽ là Phật quả vô thượng. Đây là tổng cương lĩnh của huyền nghĩa.

Hôm nay chúng ta ở đây giảng bộ Địa Tạng Bồ Tát Bồ Nguyên Kinh này có hai dụng ý: Thứ nhất là đáp lời mời của Lão pháp sư Nhân Đức ở Cửu Hoa Sơn, Tôi đồng ý với Ngài trước ngày thánh đản của Địa Tạng Bồ Tát sẽ vì đại chúng giới thiệu đại ý của Địa Tạng Bồ Tát Bồ Nguyên Kinh. Chúng tôi dự định ngày mùng một tháng chín bắt đầu giảng, ngày hai mươi tháng chín hoàn tất; ngày hai mươi tây chính là ngày ba mươi tháng bảy âm lịch, ngày thánh đản của Địa Tạng Bồ Tát. Ý nghĩa thứ hai là [từ khi] đạo tràng Tịnh Tông Học Hội Singapore xây dựng xong chúng ta vẫn chưa chính thức giảng một bộ kinh nào tại nơi đây, hôm nay vì đạo tràng mới xây dựng nên khai giảng Địa Tạng Bồ Tát Bồ Nguyên Kinh, cũng phù hợp với truyền thống giảng kinh của chúng ta bấy lâu nay tại đạo tràng mới thành lập. Thế nên đây là hai ý nghĩa quan trọng, trước hết phải giảng cho chư vị đồng tu một bộ kinh lớn ở Báo Ân Đường của Tịnh Tông Học Hội.

B. GIỚI THIỆU ĐỀ KINH

Trong phần huyền nghĩa đương nhiên quan trọng nhất là phải giới thiệu đề kinh trước: Địa Tạng Bồ Tát Bồ Nguyên Kinh.

Trong bảy chữ này, sáu chữ đầu là “biệt đề”, chữ kinh này là “thông đề”, hết thảy những pháp do Phật thuyết đều gọi là kinh. Trong biệt đề lại chia thành nhân, pháp, bảy thứ “lập đề” chúng ta đều lược bớt, Pháp sư Thánh Nhất nói rất rõ ràng trong giảng ký, chư vị có thể lấy làm tham khảo.

a. BIỆT ĐỀ:

“Địa Tạng Bồ Tát” là nhân, “Bồ Nguyên” là pháp, đề kinh này do chính đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra. Trong kinh, Phật nói kinh này có thể dùng ba Đề Kinh, ba Đề Kinh này đều là do Phật nói.

Thứ nhất là “Địa Tạng Bồ Nguyên”, ở trong pháp hội này Thế Tôn vì chúng ta tuyên thuyết “Địa Tạng Bồ Tát Bồ Nguyên”. Cũng có thể gọi là “Địa Tạng Bồ Tát Bồ Hạnh”, hạnh và nguyện giống nhau, có nguyện nhất định sẽ có hạnh. Dùng cách nói hiện nay thì ý nghĩa của hạnh là sanh hoạt của Địa Tạng Bồ Tát, là tu trì của Địa Tạng Bồ Tát, là xử sự, đối người, tiếp vật của Địa Tạng Bồ Tát. những việc này đều là *bổn hạnh* của Ngài. Còn gọi là “Địa Tạng Bồ Tát Bồ Thế Lực Kinh”, “lực” là hiển thị ra năng lực thù thắng của Ngài. Đề kinh hiện tại chúng ta đang xem này là do người phiên dịch ở trong ba đề kinh chọn ra “Địa Tạng Bồ Nguyên”, vì trong bổn nguyện này đã bao gồm cả bổn hạnh và bổn thế lực, ý nghĩa đều ở trong đó.

Trên mặt sự thì chữ “địa” trong chữ “Địa Tạng” là đại địa. Đại địa là nơi hết thảy vạn vật dựa vào để sinh tồn, bất cứ một vật gì nếu tách khỏi đại địa đều không thể sinh tồn, thế nên ở Trung Quốc rất coi trọng thiên và địa. Trong Bát Quái thì tướng của địa là thuộc quẻ Khôn, đức của địa là Mẫu,

Trong Kinh Dịch nói: “*Chí tai Khôn nguyên*”, chí là đạt đến cực điểm. Đây là hình dung đại địa vạn vật tứ sanh, hết thảy vạn vật đều từ đại địa sanh ra, thế nên ý nghĩa của “địa” là có thể nâng giữ, nuôi lớn, nâng đỡ, và sanh ra mọi thứ. Phật dùng chữ này để thí dụ cho tâm địa của chúng ta, tâm địa của chúng ta đích thật đầy đủ các ý nghĩa này. Dùng cách nói của Phật pháp, [tâm có những ý nghĩa] trụ trì, sanh trưởng, đảm đương. “Trụ” là hết thảy vạn pháp nương chân tánh mà trụ, hết thảy vạn pháp đều sanh từ chân tánh, trong kinh Hoa Nghiêm nói: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Chư Phật Như Lai trụ ở Nhất Chân pháp giới, chín giới chúng sanh trụ ở Thập pháp giới, y báo, chánh báo trang nghiêm đều là từ trong “tánh địa” biến hiện ra. Tánh là năng biến, vạn pháp là sở biến. Trong tự tánh vốn đầy đủ vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, hết thảy vô lượng vốn đều đầy đủ.

Mục đích của nền giáo học Phật pháp là dạy chúng ta minh tâm kiến tánh, tại sao lấy việc này làm mục đích? Sau khi minh tâm kiến tánh, vấn đề gì bạn cũng tự nhiên giải quyết được hết. Vội lại, chuyện này nhất định có thể xảy ra, nhất định có thể làm được. Tại sao lại khẳng định như vậy? Bởi vì mỗi người đều có chân tánh, chân tánh không phải đến từ bên ngoài; những gì đến từ bên ngoài chưa chắc có thể làm được, tự tánh vốn đầy đủ, đâu có lý nào làm không được? Vấn đề là chỉ cần chúng ta có thể khôi phục tự tánh. Thật ra tự tánh đâu cần phải khôi phục, hôm nay trên mặt tánh đức của chúng ta có chướng ngại, chỉ cần đem cái chướng ngại này dẹp trừ đi, tự tánh tự nhiên sẽ hiện tiền, cũng như mây bay sương tan, ánh sáng mặt trời sẽ chiếu rọi khắp nơi. Ánh sáng mặt trời ví như tánh đức của chúng ta, mây mù ví như chướng ngại, chướng ngại là giả, ánh sáng mặt trời là thật. Lìa khỏi “vọng” thì “chân” sẽ hiện tiền, thế nên chân tánh không cần phải tìm cầu; [những gì] bạn cầu đều là hư vọng, không cần phải cầu, lìa khỏi vọng tức là chân.

Phật dạy chúng ta trong chân tâm có đầy đủ Tam đức. Pháp thân là chân thân của chúng ta, không sanh không diệt, không đến không đi, không dơ không sạch, trong Thiên tông gọi: “*mật mũi vốn sẵn có lúc cha mẹ chưa sanh ra*”¹ chính là cái này. Đáng tiếc là chúng ta từ vô thủy đến nay khi khởi tâm động niệm, vọng tưởng, chấp trước, đã chướng ngại quang minh, đức dụng của tự tánh chúng ta mất rồi, tác dụng hiện tiền này đã chịu tổn thất rất lớn. Trong một trăm phần tác dụng, những gì hiện nay chúng ta có thể cảm thọ được không đến một phần trăm, chín mươi chín phần trăm đức dụng không thể hiện tiền, bạn nói việc này có đáng tiếc hay chẳng! Tại sao lại có hiện tượng này? Vì mê mất rồi, không biết tự mình vốn có đầy đủ vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng; mê mất rồi, mê quá lâu, mê quá sâu đậm, mê quá rộng lớn. Phật thấy chúng ta như vậy nên mới sanh tâm thương xót, giúp chúng ta giác ngộ, giúp chúng ta khôi phục. Việc này cần phải có tu hành. “*Nhân tu vạn hạnh, quả viên vạn đức*”, phương pháp tu hành cũng là vô lượng vô biên. Trong vô lượng vô biên phương pháp thì có pháp phương tiện, cũng có pháp không phương tiện, tất cả đức Phật đều nói cả rồi. Thế nên Phật vì chúng sanh diễn nói vô lượng pháp môn, trong tứ hoằng thế nguyện nói đến “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Tại sao đức Phật phải dạy vô lượng pháp môn? Vì căn tánh chúng sanh không giống nhau, căn tánh của chúng sanh cũng là vô lượng vô biên. Giáo học thuận theo căn tánh của chúng sanh thì

¹ Nguyên văn: Phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục.

học tập sẽ dễ thành tựu; nếu như không thuận theo căn tánh của chúng sanh thì sự tu học của họ sẽ cảm thấy khó khăn. Mà ở trong hết thảy pháp môn, pháp phương tiện nhất, ổn đáng nhất, dễ dàng nhất thì không gì hơn pháp môn niệm Phật. Trong kinh này đức Phật dạy chúng ta niệm Phật, chí tâm xưng danh, và trong kinh Vô Lượng Thọ dạy “*Phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, [cả hai đều] cùng chung một đạo lý, chung một sự việc. Nếu chúng ta không thể tiếp nhận pháp môn này, nghi hoặc pháp môn này, Phật lại mở ra pháp môn phương tiện khác cho bạn, đây chính là Phật chân thật dạy người pháp môn hạng nhất.

Tại sao nói pháp môn này là pháp môn hạng nhất? Nếu chúng ta quan sát kỹ càng trong kinh đức Phật dạy cho chúng ta biết nguyên lý, nguyên tắc căn bản thì chúng ta liền nghĩ ra, liền thể hội được. Phật dạy chúng ta: Chư pháp, hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian đều là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, tám chữ này là căn bản; đạo lý của hết thảy vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều nói hết cả. Lại nói rõ ràng cho chúng ta biết, “hết thảy pháp từ tâm tướng sanh” chính là giải thích “*duy thức sở hiện*”. Tâm có thể hiện tướng, trong tướng khởi biến hóa là do tác dụng của tâm; tâm này chính là thức, thức tâm, hay chúng ta gọi là “niệm đầu”. Chúng ta hiểu được nguyên tắc này, Phật nói niệm Phật, thì chúng ta liền hiểu, chúng ta liền gặt đầu. Tại sao? Niệm Phật thì làm Phật, vô cùng trực tiếp, ổn đáng. Tại sao niệm A-la-hán thì chúng A-la-hán, còn niệm Bồ Tát thì thành Bồ Tát, sau cùng niệm Phật thì thành Phật, như vậy không phải là dài dòng sao? Đi vòng vo. Tại sao bạn không trực tiếp niệm Phật? mà trong niệm Phật, đây là do đức Thế Tôn trong kinh luận nói với chúng ta, A Di Đà Phật là “*ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các vị Phật*”, trong hết thảy chư Phật, A Di Đà là đệ nhất. Niệm A Di Đà Phật thì sẽ làm A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật thì sẽ thành A Di Đà Phật, vậy sao lại phải niệm Phật khác. Những Phật khác sánh với A Di Đà Phật đều thấp hơn một bậc, thế tại sao không trực tiếp niệm A Di Đà Phật viên mãn, rốt ráo? Chúng ta thông qua những đạo lý này mới khẳng định niệm A Di Đà Phật là đệ nhất. Thật sự sáng tỏ thật sự hiểu rõ, thì niệm niệm trong tâm đều là A Di Đà Phật, đó mới là người chân thật niệm Phật. Con đường của pháp môn niệm Phật là “đạo cộng giới”, hết thảy giới luật đều viên mãn đầy đủ. Bạn không phạm giới, không phá giới là “đạo cộng giới”. Đắc thiền định là “định cộng giới”. Định cộng giới không bằng đạo cộng giới, trong đạo cộng giới không bằng “*niệm Phật cụ túc viên mãn giới luật*”, “*thanh tịnh giới luật*”. Đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với A Di Đà Phật vậy mới là đại viên mãn thật sự.

Thế nên trong pháp môn này, Phật dạy chúng ta “*chí tâm xưng danh, niệm tụng*”; niệm tụng tức là đọc tụng Đại thừa. Trong việc đọc tụng kinh điển Đại thừa thì lấy kinh Vô Lượng Thọ làm đệ nhất, lúc giảng giải tôi đã phân tích với mọi người rồi. Chúng tôi không có khả năng phân tích như vậy, mà chính là cổ đại đức thời Tùy, Đường nói cho chúng ta biết: “Hết thảy kinh đến sau cùng đều quy về kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm quy về kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ quy về bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện quy về nguyện thứ mười tám”. Hiện nay có người đề xướng “bốn nguyện niệm Phật”, trong bốn nguyện đặc biệt chú trọng nguyện thứ mười tám. Hoàn toàn y theo nguyện thứ mười tám niệm Phật, có thể vãng sanh hay không? Nếu thật sự y theo thì quyết định được sanh! Nếu chỉ đề xướng lâm chung mười niệm, một niệm cũng có thể vãng sanh, lúc bình thường có thể không cần giữ giới luật, có thể làm chuyện hồ đồ sai trái, có thể tạo tác tội nghiệp, đến lúc lâm chung niệm Phật vẫn có thể vãng sanh, lời này nói không sai, nhưng lúc lâm chung bạn có nắm chắc niệm Phật được hay không? Bạn hãy quan sát kỹ càng phần đông những người lâm chung đầu óc có thể tỉnh táo hay không? Nếu lúc lâm chung hồ đồ,

mê man, người khác giúp họ niệm thì họ cũng không chịu nghe. Lúc lâm chung nghiệp chướng hiện tiền, Phật hiệu nghe không lọt vào tai, thậm chí nghe Phật hiệu liền sanh phiền não. Tôi đã đích thân chứng kiến hạng người này, niệm Phật suốt cả đời nhưng đến lúc lâm chung không chịu niệm Phật, tham sống sợ chết, không thể buông xuống. Bốn nguyện như đã nói đó không sai, nhưng nói trên sự tướng thì khó, khó vô cùng! Đó là thiện căn phước đức nhân duyên như thế nào, chúng ta phải hiểu rõ ràng. Cổ đại đức đúng là từ bi đến tột cùng, phân tích cho chúng ta rất rõ ràng, rất tường tận, khuyên chúng ta đừng có giữ tâm niệm cầu may, nhất định phải “chân đạp thật địa”, hết lòng nỗ lực tu học, lúc lâm chung mới nắm chắc. Người cầu may đến sau cùng nhất định sẽ thất vọng. Thế nên đề xướng bốn nguyện, xả bỏ giới hạnh, đây là đi con đường nguy hiểm. Những luận điệu này bề ngoài hình như cũng có đạo lý, trong kinh Phật có nói như vậy, nhưng nếu bạn phân tích cận kề thì không có đạo lý, họ đều là giải thích sai ý nghĩa của Phật, giải thích méo mó rồi, do đó “*nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*” đâu có chuyện dễ dàng như vậy!

Năm xưa lúc Thế Tôn còn tại thế, kinh Vô Lượng Thọ khẳng định đã được giảng nhiều lần, mỗi lần tuyên giảng pháp môn này thính chúng đều khác nhau. Trong kinh có ghi “thường tùy chúng” là bao nhiêu đó người, ngoại trừ những vị “thường tùy chúng” ra, phân đông những người còn lại [trong mỗi lần giảng đều] không giống nhau. Thế nên đức Phật đối với việc giới thiệu Tịnh tông, giới thiệu Thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng có tường tận, giản lược khác nhau, cho nên sau này kết tập kinh điển, nội dung kinh điển khác biệt rất lớn. Rõ ràng nhất là bốn mươi tám nguyện trong năm bản dịch gốc, có kinh thì ghi hai mươi bốn nguyện, có những kinh thì ghi bốn mươi tám nguyện, còn có kinh thì ghi ba mươi sáu nguyện, đây là sự khác biệt rõ ràng nhất. Nếu như đức Phật chỉ giảng một lần, bất luận người dịch kinh là ai, con số này nhất định phải giống nhau, không thể nào có sự khác biệt lớn như vậy, từ chỗ này chúng ta chứng minh được là Phật đã giảng kinh này nhiều lần. Chúng ta đối với Thế giới Tây Phương Cực Lạc, muốn nhận thức sáng tỏ, viên mãn thì nhất định phải đọc hết tất cả những lần giới thiệu của Phật.

Kinh Phật thời xưa đều là ghi chép bằng tay, số lượng lưu thông rất ít, một người ở trong đời có cơ hội đọc được năm bản dịch gốc này, đây là người có phước báo to lớn, nhân duyên thù thắng. Phước báo của Cư sĩ Vương Long Thư triều Tống rất lớn, đương nhiên cũng được Phật lực gia trì, trong năm bản dịch gốc ông chỉ đọc được bốn bản. Còn kinh Đại Bảo Tích phiên dịch đời Đường, thì Cư sĩ Vương Long Thư không có dịp xem qua. Cho nên bản dịch Vô Lượng Thọ trong kinh Đại Bảo Tích, có một số lời dạy rất quan trọng mà trong bốn bản dịch gốc kia không có. Cư sĩ Vương Long Thư cũng thật sự vô cùng tài giỏi, biết phân đông người ta rất khó có cơ duyên xem được nhiều bản kinh như vậy, nên ông bắt đầu làm bản hội tập. Bản hội tập chính là tập hợp những bản dịch gốc, hội tập những lời nói của Phật trong mỗi bản dịch gốc lại, Đọc bản hội tập này thì cũng giống như đọc được tất cả các bản dịch gốc kia vậy, đây là một chuyện tốt, đại từ đại bi.

Bản này của ông được nhập vào Đại Tạng Kinh, nhập tạng nghĩa là được những đại đức thời xưa trong nhà Phật đều thừa nhận, đều khẳng định cách làm này chính xác, không có sai lầm. Bản hội tập của Vương Long Thư được lưu truyền đến đời sau, những lời chú giải trong A Di Đà Kinh Sớ Sao của Đại sư Liên Trì, dùng các trích dẫn lấy trong kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ, phần nhiều đều lấy từ bản hội tập của Vương Long Thư, vậy nghĩa là bản này nhận được sự khẳng định của Đại sư Liên Trì. Về sau có bản tiết hiệu của Bành Tế Thanh, bản hội tập của Ngụy Mặc

Thâm. Bản của ông Vương và ông Ngụy xác thực là có khuyết điểm, khuyết điểm này chính là lấy bỏ chữ không khéo, không thích hợp lắm; họ đã sửa đổi văn tự của bản dịch gốc. Đối với họ mà nói thì việc sửa đổi này không có vấn đề gì, đích thật còn hay hơn câu từ của bản dịch gốc nữa. Đại sư Ấn Quang không tán thành, không tán thành là có đạo lý của Ngài, là sợ người đời sau tùy ý sửa đổi kinh văn. Việc sửa đổi này của họ, đã mở ra một tiền lệ, khiến cho người đời sau tùy tiện sửa đổi kinh văn, kinh này truyền đến các đời sau thì hoàn toàn bị thay đổi, tuyệt đối không thể mở ra cái tiền lệ này. Ấn Tổ phản đối là hai điểm này, một cái là lấy bỏ không thỏa đáng, một cái là sửa đổi nguyên văn, chứ không nói rằng không được hội tập.

Đến những năm đầu của thời Dân Quốc, bản hội tập của Lão cư sĩ Hạ Liên Cư ra đời, bản này thật sự là bản hội tập hoàn thiện. Nhưng có một số người chấp trước thành kiến, phản đối bản hội tập này, phản đối bản hội tập này muốn đề xướng đọc năm bản dịch gốc. Nếu như nói phản đối bản hội tập này, đề xướng một bản trong năm bản dịch gốc, thì trong bốn bản còn lại vẫn còn một số kinh văn quan trọng bạn sẽ chẳng đọc đến. Mục đích của việc đọc tụng Đại thừa là để phá nghi sanh tín, là để xây dựng lòng tin. Đây đều là thiên lậu chấp, thiên kiến, thiên kiến, hiểu biết nông cạn, những chấp trước này đều là sai lầm. Lại nói cụ Hạ là Cư sĩ, Cư sĩ không có tư cách để hội tập kinh tạng. Vương Long Thư là Cư sĩ, Bành Tế Thanh cũng là Cư sĩ, Ngụy Nguyên cũng là Cư sĩ; Đại sư Liên Trì là người xuất gia, là Tổ sư Tịnh độ tông. Đại sư Liên Trì có thể dùng bản của ông Vương Long Thư, Đại sư Liên Trì không nói Vương Long Thư là Cư sĩ tại gia, không có tư cách hội tập, không có nói lời này. Nếu nói người tại gia không thể làm chuyện này, nhất định phải là người xuất gia làm, thế thì Phật pháp đã mất bình đẳng rồi, nói cách khác, quyết định không thể vãng sanh Tịnh độ. Tịnh độ là pháp bình đẳng, trong đề kinh có ghi “Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác”, tâm của bạn không thanh tịnh, không bình đẳng, một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu cũng không thể vãng sanh. Tâm tịnh thì cõi nước tịnh, tâm bình thì cõi nước bình, Thế giới Tây Phương Cực Lạc là cõi nước thanh tịnh, bình đẳng, chư vị nhất định phải sáng tỏ đạo lý này.

Cụ Hạ không phải là người bình thường, sau khi bản hội tập của cụ ra đời, rất tiếc là Đại sư Ấn Quang đã vãng sanh, Ấn Tổ chưa xem thấy bản này, tôi tin tưởng nếu Ấn Tổ xem thấy bản này nhất định sẽ tán thán, sẽ tán thành. Tại sao vậy? Những khuyết điểm của các bản hội tập trước kia bản này đều không có, bản hội tập này không sửa đổi một chữ nào trong các bản dịch gốc, lại còn chọn lựa chữ vô cùng hợp lý, đương thời Lão hòa thượng Huệ Minh khẳng định, đương thời đại đức bên Luật tông là Lão hòa thượng Từ Châu cũng khẳng định. Lão hòa thượng Từ Châu chọn lấy bản hội tập này giảng tại Tế Nam, đại đức tại gia là Lão cư sĩ Mai Quang Hy dùng bản hội tập này giảng trên đài phát thanh Trung Ương. Ngày nay bản hội tập này đã lưu thông khắp thế giới, phù hợp với lời tiên tri của Lão cư sĩ lúc lâm chung, Ngài nói với học trò rằng tương lai bản hội tập này sẽ từ hải ngoại truyền đến Trung Quốc, lời này đã thành sự thật. Lúc bấy giờ mọi người đều hoài nghi, ngày nay đã khẳng định rồi, quả thật là như vậy. Ngài lại nói kinh này sẽ truyền khắp toàn thế giới, cho nên bản hội tập này của cụ Hạ hoàn toàn tương ứng với lời tiên tri của cụ. Chúng ta nhất định phải có lòng tin kiên định, quyết định không hoài nghi, y giáo phụng hành, phải thường đọc tụng. Những gì trong kinh Phật dạy chúng ta làm thì chúng ta phải hết lòng nỗ lực làm được; những gì Phật dạy chúng ta không được làm, chúng ta nhất định phải tuân thủ. Niệm Phật như vậy phát nguyện vãng sanh thì một đời này của chúng ta mới có thể thành tựu, chúng ta phải tin tưởng lời Phật dạy.

Mỗi chữ mỗi câu trong bản hội tập của cụ Hạ đều là nguyên văn từ năm bản dịch gốc, chư vị có thể lấy năm bản dịch gốc đem ra để đối chiếu. Nếu như nói bạn có nghi hoặc, thì bạn đem năm bản dịch gốc ra đối chiếu với bản này xem. Lúc trước tôi đã từng in, tên cuốn này là “Tĩnh Độ Ngũ Kinh Độc Bản”. Trong đó có năm bản dịch gốc, bốn bản hội hiệu, tổng cộng chín bản của kinh Vô Lượng Thọ đều nằm trong cuốn này, mọi người có thể đối chiếu. Ba bản dịch của kinh Di Đà, ba bản này là: Bản dịch của Đại sư La Thập, bản dịch của Đại sư Huyền Trang, bản hội tập của Lão cư sĩ Hạ Liên Cư, tất cả đều in chung. Mục đích in cuốn này ra là để xây dựng lòng tin vững chắc cho chư vị đồng tu, không thể dễ dàng bị người ta làm cho dao động rồi lại làm hỏng đại sự nhân duyên một đời này của chúng ta, vậy thì rất đáng tiếc!

Chúng ta nhất định phải biết đọc tụng Đại thừa quy y kinh Vô Lượng Thọ, cung kính A Di Đà Phật, biết hết lòng tu pháp cúng dường. Trong những buổi giảng chúng tôi đều đã làm báo cáo tường tận với chư vị, làm sao cúng dường? Cúng dường Như Lai, cúng dường chúng sanh, như giáo tu hành cúng dường đây là chân cúng dường, cúng dường như vậy chính là chân chánh cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Chúng ta tổng kết ý tứ trong kinh này, nếu chúng ta có thể thật sự chí tâm xưng danh, đọc tụng Đại thừa, quy y cung kính cúng dường, công đức của người này không thể đo lường nổi. Người ấy nhất định sẽ được chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát, không phải chỉ có Địa Tạng Bồ Tát; mà còn được oai thần của những đại Bồ Tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền gia trì, tất nhiên sẽ được quả báo không thể nghĩ bàn.

Ở trong kinh này Phật nói cho chúng ta biết, Địa Tạng Bồ Tát trong vô thí kiếp đến nay dùng vô lượng vô biên hóa thân phóng quang thuyết pháp, phổ độ chúng sanh, thường trụ trong thế giới U Minh. U Minh pháp giới là như thế nào? Chúng ta làm sao học tập? Chúng ta phải chui vào trong địa ngục chăng? Nhất định phải hiểu nghĩa thú, tiêu biểu pháp của từng câu từng chữ trong kinh văn. Ý nghĩa của U Minh pháp giới chính là dạy chúng ta phải hạ thấp tư thế, làm việc thiện không cần phải để cho người ta biết, không cần phải biểu dương, đây chính là U Minh pháp giới. Làm một cách âm thầm, hết lòng nỗ lực đi làm, xả bỏ hết thầy danh văn lợi dưỡng chính là ở trong U Minh pháp giới, thành tựu công đức chân thật của mình, niệm niệm đều làm lợi ích cho chúng sanh trong lục đạo. Trong kinh này dạy cho chúng ta biết quan hệ của chúng ta với chư Phật, Bồ Tát, quan hệ của chúng ta với lục đạo chúng sanh, phạm phu vô tri thật đúng như câu mạnh ăn hiếp yếu, tàn hại hết thầy chúng sanh. Những chúng sanh này cũng đều là phạm phu, cũng đều mê hoặc điên đảo. Mê hoặc điên đảo thì tâm báo thù sẽ không tiêu mất, bạn làm tổn hại chúng nó, tâm oán hận đó của chúng nó sẽ vĩnh viễn ẩn chứa trong a-lại-da thức, khi gặp được cơ hội làm sao chúng nó không báo thù cho được! Sự báo thù này chính là tai nạn hiện nay trên thế giới, tai nạn to lớn! Trong kinh Phật nói về kiếp đao binh. Kiếp đao binh trở về sau chính là chiến tranh nguyên tử.

Nguyên nhân của kiếp đao binh là gì? Là ăn thịt chúng sanh. Đức Phật nói được rất rõ ràng, muốn miễn trừ kiếp đao binh trên thế giới, trừ khi chúng sanh không ăn thịt thì kiếp đao binh này mới có thể hóa giải. Lúc trẻ tuổi vô tri, không ăn thịt nó thì cũng sát hại nó. [Thí dụ như] loài kiến, chúng tôi nhìn thấy rất nhiều người, mà chính mình cũng đã tạo cái tội nghiệp này. Kiến bò vào nhà, bực mình quá, nấu một nồi nước sôi, đổ xuống một cái làm cho chúng bỏng chết! Chúng tôi thấy rất nhiều người làm như vậy, chúng tôi cũng đã từng làm, mặc sức gây tổn hại cho những động vật nhỏ này. Lúc trước không biết, bây giờ mới biết mình đã phạm phải tội lỗi cực

nặng. Phật dạy chúng ta “phát lồ sám hối”, ngày nay chúng ta sáng tỏ rồi, biết được chính mình đã làm việc sai quấy, hết lòng tu hành, hết thấy những công đức mỗi ngày đọc tụng, cúng dường, tu học đều hồi hướng cho những oan thân trái chủ này. Chính chúng ta không dám hưởng công đức ấy, chỉ hy vọng hóa giải hết những oan kết này được vậy thì trên con đường Bồ-đề của chúng ta thuận buồm xuôi gió, không còn chướng ngại. Nếu nói không làm được, vậy thì thường hay nói đến nghiệp chướng hiện tiền, nghiệp chướng của bạn làm sao mới không hiện tiền? Những chúng sanh bị bạn sát hại này làm sao có thể dễ dàng tha thứ cho bạn như vậy? Không thể nào!

Cho nên chúng ta phải học theo Địa Tạng Bồ Tát, dùng tâm chân thành giúp đỡ họ phá mê khai ngộ, giúp họ lìa khổ được vui. Tâm giống như đại địa, hết thấy pháp và hết thấy chúng sanh nương nhờ vào đó để trụ trì, sanh trưởng, đâm đương. Bởi vậy nên trong kinh nói: *“Tâm như đại địa, có thể an hết thấy”*. Đây là dùng đại địa ví như tâm, ví như thức. Ngày nay chúng ta nhìn thấy đại địa, chân đạp trên mặt đất, phải biết hồi quang phản chiếu. “Địa” là tâm địa của chúng ta, tâm địa bình đẳng, gánh vác mọi pháp, gánh đội hết thấy chúng sanh. Người bạn ưa thích, người bạn thương mến cũng cư trú trên mặt đất này, người bạn chán ghét, người bạn oán hận cũng cư trú trên mặt đất này, đại địa không phân biệt thân, oán; không có tốt, ác. chúng ta phải học [bỏ tánh này của] đại địa. Tâm địa của chúng ta vốn cũng giống như đại địa, hiện nay ở trong ấy khởi tâm động niệm, phân biệt tốt ác, phân biệt đẹp xấu, những cái này là sai lầm. Mặt đất không phân biệt, hay nói cách khác, chân tâm không phân biệt, vọng tâm còn phân biệt, vọng tâm là sai lầm. Biết được vọng tâm đang phân biệt thì biết tâm chúng sanh; biết đại địa không phân biệt, thì biết chân tâm. Thế nên lập luận của kinh này chính là chân tâm và vọng tâm. Đây là nói về chữ “địa” này. Chữ thứ hai là “tạng”, Tạng là chứa, ý nghĩa là hàm chứa, người thế gian chúng ta gọi là kho chứa, kho báu. Mọi thứ trân bảo của người thế gian đều phải cất giữ cẩn thận, những của cải này có thể bảo đảm an toàn cho đời sống của họ. Nếu như mất đi tiền tài, của báu, thì họ sẽ cảm thấy lo sợ, đời sống không còn được bảo đảm, thế nên người thế gian ai ai cũng mong muốn cất giấu những trân bảo, những tiền tài này. Phật dùng việc này để thí dụ, trong tự tánh chúng ta có kho báu, đó là “tam đức bí tạng” trong chân tâm tự tánh của chúng ta, có “pháp thân”, pháp thân là chân thân. Trong tông Môn gọi là “mặt mũi vốn sẵn có khi cha mẹ chưa sanh ra”. Bản lai diện mục là pháp thân, không sanh không diệt, không đến không đi, không dơ không sạch. Thứ hai là Bát-nhã, Bát-nhã là trí tuệ, trí tuệ cứu cánh viên mãn là trong tự tánh vốn sẵn có đầy đủ, không phải đến từ bên ngoài. Vô lượng vô biên trí tuệ, thế giới ấy, phương kia, quá khứ, vị lai không có gì không biết, đây là “sở tri” Sở tri hiện tại không biết, không biết thì liền trở thành có chướng ngại. Sở tri là vốn sẵn có, hiện nay có một cái “chướng” đã che lấp sở tri của mình, đây gọi là “sở tri chướng”. Dụng ý của tên gọi sở tri chướng và phiền não chướng khác nhau; phiền não chính là chướng ngại, sở tri không phải chướng ngại, cái chướng đó gây chướng ngại cho “sở tri” thì gọi là sở tri chướng.

Nếu chúng ta dùng danh tướng trong Phật pháp để nói về vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chấp trước là phiền não chướng, hoàn toàn là phiền não; trong phân biệt có một phần là phiền não, một phần là sở tri chướng; trong vọng tưởng hoàn toàn là sở tri chướng. Có người hỏi vô minh từ đâu đến? Vô minh làm sao đến? Thực ra Thích Ca Mâu Ni Phật trong hội Lăng Nghiêm đã giảng rất rõ ràng, rất thấu triệt, người đọc kinh Lăng Nghiêm đều nuốt trọn cả trái táo, đều hàm hồ lướt qua như vậy. Phật giảng rất rõ ràng: *“Từ nơi tri kiến lập ra cái hiểu biết, đó chính là cái gốc của vô*

minh”². Cái gì gọi là tri kiến? Tri kiến chính là sở tri, Sở tri chính là trí tuệ Bát-nhã. Trong cái sở tri bạn còn muốn lập ra một cái “tri”, vậy là sai rồi, trên đầu lại gắn thêm cái đầu, đó chính là căn bản của vô minh. Bạn không cần lập thêm một cái tri trên cái sở tri thì trí tuệ của bạn liền hiện tiền; nếu bạn cứ muốn lập một cái tri, vậy còn cách gì nữa! Chúng ta nêu ra một thí dụ; các bạn thấy cái này rõ ràng, chúng ta dùng cái này để thí dụ, mọi người nhìn thấy rõ ràng, sáng tỏ, đây là sở tri, đây là tri kiến. Nhưng cứ nói: “Trên tay pháp sư cầm một cuốn sách”, như vậy là xong rồi, lập tức liền rơi vào vô minh. Vật này gọi là sách hay sao? Vật này gọi là tay hay sao? Tay là do bạn kiến lập nên, sách là do bạn kiến lập nên; bạn muốn kiến lập cái này gọi là sách, cái này gọi là tay, vậy thì bạn sai rồi, đây chính là vô minh. Lúc Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc cũng rất thông minh, Lão Tử đã biết: “*Tên mà có thể gọi được thì không phải là tên thường hằng, đạo mà có thể nói được thì không phải là đạo thường hằng*”³. Một khi bạn đã nói ra cái tên thì đã sai rồi, đó là ý tứ riêng của bạn, không phải là chân tướng sự thật. Thế nên bạn lập tri trên tri kiến thì bạn sẽ rơi vào vô minh, bạn đã khởi vọng tưởng, trong vọng tưởng lại có phân biệt, lại có chấp trước, cả đồng chuyện phiền phức cùng đến một lượt.

Phật thuyết pháp cho chúng ta, Phật nói “ngã”, nhưng không chấp trước ngã, việc này cao minh. Lục Tổ hỏi Vĩnh Gia: “*Ông còn có phân biệt hay không?*” Vĩnh Gia đáp rất hay: “*Phân biệt cũng không phải ý*”. Tôi phân biệt tức là không có phân biệt, trong tâm thật sự không có phân biệt, sạch sẽ. Phân biệt cái gì? Vì đại chúng phân biệt. Cho nên “nói chính là không nói, không nói chính là nói”, bạn muốn nói là “nói”, bạn không hiểu được cái dụng ý này của “không nói” bạn cũng không hiểu được dụng ý của Phật. Nếu nói và không nói phân cắt làm hai, nói cũng sai, không nói cũng sai.

Nói là gì? Phân biệt, chấp trước; không nói là vô minh, đều lọt vào hai bên. Phải biết nói và không nói là một, không phải hai, “nói chính là không nói, nghe chính là không nghe”, bạn thông rồi, chướng ngại này của bạn đều không còn nữa. Nếu bạn thể hội được chuyện này thì chân tướng của vũ trụ nhân sanh sẽ rõ ràng, bạn sẽ chân chánh nhập vào pháp môn bất nhị. Người thế gian đáng thương sống trong “tương đối”, tương đối tức là hai, đối lập rồi. Nói lớn đối lại có cái nhỏ, nói không thì bên kia có cái hữu, đều ở trong tương đối; nói tôi thì đối diện sẽ có người. Đến khi nào bạn có thể giác ngộ được “tôi và người không hai, không và có không hai, tánh và tướng không hai, lý và sự không hai, sự và sự cũng không hai” thì bạn mới nhập vào Phật pháp, bạn mới hiểu Phật pháp. Cho nên Phật pháp khó, khó ở chỗ nào? Chính là khó ở chỗ này. Khó ở cái gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước vĩnh viễn không buông xuống, chỉ cần không buông xuống thì bạn sẽ không nhập vào được cánh cửa Đại thừa, Đại thừa cùng bạn bị cắt đứt duyên phận. Bạn tu học Đại thừa chỉ là tu học một thứ thường thức ngoài da mà thôi, Đại thừa chân chánh là như thế nào? Căn bản bạn không thể thể hội được Đây là nói với bạn về Bát-nhã.

Vẫn còn một cái “bí tạng”, bí là bí mật, tạng là hàm chứa ở trong tự tánh. “giải thoát”, giải thoát chính là đại tự tại, chính là như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Sự sự vô ngại”, đều là vốn sẵn có trong tự tánh, vốn sẵn đầy đủ. Đây là ý nghĩa của tạng, đây gọi là “tam đức”, tam đức trong tự tánh. Tại sao gọi là bí tạng? Bí là giống như bí mật, phần đông phàm phu không thể cảm giác, lục căn tiếp xúc không đến; không thể cảm giác thì hình như rất bí mật, cũng giống như cất giữ ở chỗ nào đó, tạng chưa bị người

² Nguyên văn: Tri kiến lập tri, thị vô minh bản.

³ Nguyên văn: Danh khả danh, phi thường danh. Đạo khả đạo phi thường đạo.

phát giác. Nói cách khác chính là chúng sanh không thể sáng tỏ, không thể lý giải, nên được gọi là bí mật. Mà trong tâm tánh đích thật bao gồm vô lượng vô biên hết thảy pháp, trong bốn tánh vốn sẵn đầy đủ, dùng không hết, đó là ý nghĩa của “tạng”. Cũng giống như mỏ vàng ở thế gian chúng ta, trong mỏ vàng này hàm chứa rất nhiều vàng, bạn lấy, bạn dùng, lấy không hết, dùng chẳng tận. Nhưng mỏ vàng ở đâu bạn không biết, bạn không hiểu, như vậy nên biến thành bí mật. Phật dùng cái này để thí dụ tâm địa của chúng ta, bảo tạng trong tâm địa của chúng ta. Hàm tạng của đại địa so với tâm địa thì không là gì cả, bảo tạng hàm chứa trong tâm tánh chúng ta là tận hư không, khắp pháp giới, Phật pháp của hết thảy chư Phật, vô lượng thế pháp của hết thảy chúng sanh đều hàm chứa ở trong ấy. Chỉ cần bạn vừa khai phát bảo tạng, nói cho chư vị biết toàn bộ pháp thế gian, xuất thế gian đều thông đạt, hết thảy đều không có chướng ngại.

Giáo học của Phật pháp là khai phát bảo tạng của tự tánh. Phải dùng cái gì để khai mở bảo tạng của tự tánh? Công cụ ấy nhất định phải xứng tánh, công cụ không xứng tánh thì bạn không có biện pháp khai mở bảo tạng của tự tánh. Công cụ xứng tánh là gì? Chính là hiếu và kính, cho nên “Địa Tạng” xưng là hiếu kính của nhà Phật. Nếu dùng ngôn ngữ hiện nay để nói thì kinh Địa Tạng chính là hiếu đạo và sư đạo, biết “hiếu thân tôn sư” thì có thể khai phát bảo tạng của tự tánh. Nếu như bạn không thể hiếu thuận cha mẹ, không thể tôn trọng thầy giáo, bạn vĩnh viễn sẽ ở ngoài cửa Phật pháp, hay nói cách khác bạn học Tiểu thừa có lẽ đạt được một chút thành tựu, nhưng học Đại thừa thì không có phần; Đại thừa là khai phát tự tánh, không giống với Tiểu thừa. Tiểu thừa là ở trên sự tướng, nói cách khác, đây vẫn còn là thế pháp. Pháp xuất thế trong Tiểu thừa bạn cũng không đạt được, hay nói cách khác dù cho bạn tu học Tiểu thừa bạn chỉ có thể dừng lại ở Sơ quả mà thôi, còn cảnh giới của Nhị quả, Tứ quả sẽ không chứng được. Nếu muốn chứng được Tứ quả của Tiểu thừa, thì quả vị cao nhất của Tiểu thừa vẫn là phải hiếu thân tôn sư. Đây là chân lý, mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai không có một vị nào ngoại lệ.

Trong Quán Kinh, Thế Tôn giảng về Tam phước, ba tịnh nghiệp này là “*Chánh nhân Tịnh Nghiệp của ba đời chư Phật*”. Lời này vô cùng rõ ràng, vô cùng sáng tỏ. Chúng ta khi nghe rồi, chư vị đồng tu đều có thể nhớ được, cũng có thể giảng nói, nhưng vẫn là không chịu đi làm, vậy thì không còn cách gì. Nếu một ngày nói cả ngàn lần, cả vạn lần cũng không có tác dụng, đây là “nói đồ ăn, đếm của báu” có tác dụng gì? Nhất định phải tự mình hết lòng đi làm, làm cho bằng được! Dùng tâm hiếu thuận cha mẹ mở rộng đến hiếu thuận hết thảy chúng sanh, chư Phật Như Lai đích thật là tu như vậy. Hết thảy chúng sanh chính là cha mẹ mình, không phải là người ngoài, hết thảy chúng sanh đều là thầy của mình, đọc xong Hoa Nghiêm bạn phải nên tin tưởng. Không những hết thảy người là thầy giáo, hôm qua chúng ta đã nói cây cối, hoa cỏ, không có gì không phải là thầy giáo cả? Khi lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, thật sự là một hạt bụi, một lỗ chân lông, khi chúng ta nhìn thấy, chạm vào đều có thể tính ngộ, đó chính là thầy giáo. Hôm qua nhìn thấy cây, hạt giống là tín tâm, rễ là từ bi, thân là trí tuệ, cành lá là năm độ, chỉ cần nhìn thấy ở bất kỳ chỗ nào thì trong tâm đều khai trí tuệ. Đúng như lời Đại sư Huệ Năng nói khi gặp Ngũ Tổ: “*Trong tâm đệ tử thường sanh trí tuệ*”. Ngài làm sao không thường sanh trí tuệ? Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài đều khai ngộ, đây chính là thường sanh trí tuệ. Ngày nay lục căn chúng ta tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài đều sanh phiền não, nếu thuận theo mong muốn của mình thì sanh tham ái, tham ái là phiền não; không hợp với mong muốn của mình thì chán ghét, chán ghét sanh phiền não. Người ta lục căn thấy cảnh

giới lục trần thì sanh trí tuệ, không sanh phiền não, đây chính là chỗ phàm thánh không giống nhau, chỗ khởi tu không tương đồng.

Cho nên trong kinh đức Phật dạy bảo chúng ta, khẳng định tự tánh của chúng ta vốn sẵn đầy đủ vạn pháp, đầy đủ hết thảy pháp, đây là của báu! Giống như trong lòng đất hàm chứa những khoáng vật quý báu, kho báu chứa dưới đất dùng còn hết, còn kho báu chứa trong tâm tánh chúng ta dùng không hết, tại sao không biết khai phát! Bốn đại Bồ Tát chính là bốn pháp môn để khai phát kho báu trong tự tánh. Bốn pháp môn này phải dùng cùng lúc, *hiếu kính* của Địa Tạng Bồ Tát, *từ bi* của Quán Âm Bồ Tát, *trí tuệ* của Văn Thù Bồ Tát, *thực tiễn* của Phổ Hiền Bồ Tát, tứ đại Bồ Tát dạy chúng ta khai phát kho báu trong tự tánh. Bốn pháp môn này thiếu một cái cũng không thể được, giống như cái bàn có bốn chân, thiếu một cái thì liền ngã đổ, nó sẽ không đứng vững nữa, nhất định phải sáng tỏ đạo lý này. Những điều đức Phật nói trong hết thảy kinh điển Đại thừa, ngàn kinh muôn luận đều không ngoài điều này. Chư Phật, Bồ Tát đã sáng tỏ rồi, liền đi làm, các Ngài được thọ dụng, đạt được đại tự tại, đại viên mãn. Chúng sanh chúng ta mê hoặc điên đảo, đã mê mất tự tánh, làm sai làm quấy, cho nên trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi, sanh tử lưu chuyển, vĩnh viễn không có ngày ra.

Nhưng tánh đức của chúng ta bất luận đang giác hay đang mê, nó đều không có thay đổi; lúc ngộ không có tăng thêm một tơ hào, khi mê cũng không có giảm bớt một tơ hào. Tại sao Phật tôn kính hết thảy chúng sanh? Ngay cả muỗi, kiến đều tôn kính. Tại sao Ngài lại tôn kính? Muỗi, kiến cũng là chúng sanh, tánh đức của nó đều viên mãn, với chư Phật Như Lai không hai không khác; chỉ vì nó mê nên biến thành hình dạng này, nó không hiểu việc, nên làm sai làm quấy, thành ra hình dạng này. Tuy ra nông nổi này, tánh đức của nó viên mãn giống như cũ, không có giảm bớt mảy may, thế nên chư Phật Như Lai đối với chúng nó tôn trọng bình đẳng, lễ kính bình đẳng, cũng cúng dường bình đẳng. Trong thập đại nguyện vương, Phật đối với chúng nó không tán thán, nhưng cung kính, cúng dường, đây là từ bi bình đẳng hết thảy!

Chúng ta phải nhận thức tâm địa, khẳng định bảo tạng. Biết chân tâm của chúng ta, từ trong Bát-nhã mà nói thì tâm này chính là “đại Bồ-đề”, từ trong pháp thân mà nói thì chính là “đại Niết-bàn”. Đại Niết-bàn thông thường cũng gọi là “đại Diệt độ”, Niết-bàn là tiếng Phạn, dịch thành tiếng Trung Quốc ý nghĩa là diệt độ. Nếu như dùng ba chữ “đại, diệt, độ” để nói, thì “đại” nghĩa là Pháp thân, “diệt” là diệt phiền não, diệt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, vậy sẽ được đại tự tại, đại tự tại là giải thoát; “độ” là hiểu rõ, là giác ngộ, chính là trí tuệ Bát-nhã. Bồ Tát tu Lục độ, sáu thứ này là trí tuệ, các Ngài trải qua đời sống trí tuệ cao độ, trí tuệ cứu cánh viên mãn. [Ngược lại] ngày nay chúng ta trải qua đời sống phiền não, khổ đau.

“Pháp thân, Bát-nhã, Giải thoát”, Tam đức này là tam đức tự tánh vốn sẵn có, mỗi mỗi đều đầy đủ *thường, lạc, ngã, tịnh*. Thế nên *thường, lạc, ngã, tịnh* chúng ta gọi là tứ tịnh đức. Thường là vĩnh hằng bất biến. Lạc là lìa hết thảy khổ, người thế gian chúng ta nói khổ lạc, cái khổ lạc này là tương đối, tất cả khổ lạc, tương đối đều không còn nữa, đều mất hết, đoạn hết rồi. Ngã có nghĩa là chủ thể, có nghĩa là tự tại, chân chánh làm chủ được, thật sự được đại tự tại. Tịnh là thanh tịnh, mảy trần không nhiễm, tâm địa không tịch. Trong chân tâm không thể có một vật, Đại sư Huệ Năng nói rất hay: “*Vốn không có một vật*”, phải biết vốn không có một vật, bạn lại muốn thêm một vật vào trong, vậy sai rồi. Một niệm đầu chính là một vật, không thể thêm vào. Do đó người tham thiền niệm một tiếng Phật hiệu là bị ô nhiễm rồi, phải súc miệng ba ngày. Trước giờ vốn không có một vật, làm sao có một chữ “Phật” lọt vào

được? Phật cũng không có. Đã không có Phật, vậy chúng ta cần phải niệm Phật hay không? Phải niệm. Cách niệm như thế nào? “Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm” thì mới chính xác. Nếu như bạn có niệm thì bạn có một vật, vậy sai rồi. Bạn không niệm thì cũng có một vật, có vật gì? Có một cái không niệm, bạn cũng sai luôn. Nói cách khác, niệm thì sai, không niệm cũng sai.

Làm sao mới không sai? “Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm” thì mới không sai; hai bên không trụ, trung đạo không còn. “Làm mà không làm, không làm mà làm”, giống như chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong chín pháp giới, thị hiện vô biên thân tướng, tận hết sức trong các ngành các nghề, các Ngài không niệm, không sanh. Không niệm nhưng họ chẳng có ly niệm, không sanh nhưng họ cũng chẳng có ly sanh. Các Ngài trong lục đạo xả thân thọ thân, cùng chúng sanh thị hiện hình tướng như nhau, họ là “ly tức đồng thời”, những tướng hiện ra không có chính mình, tướng hiện ra là “từ bi ứng hiện”, để giác ngộ chúng sanh. Tuy là giác ngộ chúng sanh, nhưng không có cái tâm niệm “giác ngộ chúng sanh”, giống như kinh Kim Cang có nói tuy độ hết thấy chúng sanh nhưng thật sự không có chúng sanh được độ; họ không có khởi ý niệm. Trong kinh thường dùng mây để làm thí dụ, thí dụ cho cái gì? Vô tâm vô niệm, trong Phật pháp gọi là vô tác, vô vi. Không làm mà chẳng có gì không làm, không khởi mà chẳng có gì không khởi, vậy mới tương ứng với *thể, tướng, dụng* của tự tánh, tương ứng với Pháp thân, Bát-nhã, Giải thoát của tự tánh, tương ứng với “Đại Phương Quảng”, đây là hạnh Bồ Tát, đây là tâm Bồ Tát.

Ngày nay chúng ta ở địa vị phàm phu, chúng ta có mê hoặc nghiêm trọng, chúng ta có nghiệp chướng sâu nặng, chúng ta cũng rất muốn khế nhập vào cảnh giới của Bồ Tát. Bắt tay vào từ chỗ nào? Nhất định phải bắt tay từ đoạn tham, sân, si, Phật pháp và thế pháp đều không tham nhiễm. Thuận cảnh không tham, nghịch cảnh không sân, bắt đầu làm từ chỗ này, từ chỗ này mà bắt tay; thuận cảnh, nghịch cảnh rõ ràng, sáng tỏ, không si. Không tham, không sân, không si gọi là “tam thiện căn”. Đoạn ác tu thiện, đoạn ác gì? Đoạn tham, sân, si; tu thiện gì? Tu không tham, không sân, không si. Từ chỗ này mà bắt tay vào, khôi phục kho báu trong tự tánh của chúng ta, bởi vì tham, sân, si ở bên trong là chướng ngại nghiêm trọng nhất; cái quan trọng nhất thì phải bắt tay làm trước, ngày nay chúng ta không thể thành tựu chính là không thể đoạn được tham, sân, si. Bất luận bạn tu học như thế nào, bạn cũng không thể nào bước vào cửa, làm cả đời cũng chỉ được phước báo hữu lậu. Nếu bạn không tu từ hiếu kính, thì cái phước hữu lậu này sẽ không hưởng ở cõi người, mà sẽ đi hưởng ở đường ngựa quý, súc sanh, đây đều là chân tướng sự thật, chúng ta không thể không rõ ràng, không thể không sáng tỏ.

“Bồ Tát”, hai chữ này là tiếng Ấn Độ, ý nghĩa của nó thì người xưa có hai cách dịch: Một cách dịch là “đại đạo tâm chúng sanh”, đây là dịch theo lối xưa; sau này Đại sư Huyền Trang dịch là “giác hữu tình”, chúng sanh hữu tình giác ngộ; hai cách dịch này đều tốt. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật nói với chúng ta, kinh Hoa Nghiêm phải nên truyền trao cho người nào? Truyền cho đại tâm phàm phu Chư vị nên biết “đại tâm phàm phu” chính là đại đạo tâm phàm phu, tuy không gọi bạn là Bồ Tát, chỉ cần bạn phát tâm rộng lớn thì bạn chính là Bồ Tát. Nếu như nói bạn là Bồ Tát thì bạn sẽ sợ giạt mình: “Tôi không phải Bồ Tát đâu, tôi không dám nhận!” Nếu gọi bạn là “đại tâm phàm phu”. *Vậy thì được, “tôi là phàm phu, tôi phát tâm rộng lớn được!”*, thật không ngờ đại tâm phàm phu chính là Bồ Tát. Giác hữu tình cũng được, chúng ta là chúng sanh có cảm tình, cảm tình chính là phiền não, Hữu Tình chính là có phiền não; tuy có phiền não, nhưng đã giác ngộ rồi, như vậy cũng được. Giác ngộ rồi nghĩa

là như tôi thường nói [bạn] đã chọn phương hướng chính xác rồi. Tuy vẫn chưa có nhập vào cảnh giới của Phật, nhưng tâm, hạnh, phương hướng này của bạn đích thật là phương hướng dẫn đến thành Phật, góc độ không có lệch lạc; giống như hàng hải, hàng không vậy, la bàn chúng ta đặt đúng hướng rồi, phương hướng rất chuẩn xác, tuy vẫn chưa nhìn thấy bờ bên kia, nhưng biết chắc nhất định sẽ tới bờ bên kia. Đó là ý nghĩa của Bồ Tát.

Bồ Tát là người, muôn vàn chớ nên hiểu lầm, Bồ Tát không phải là thần, Bồ Tát cũng không phải là tiên, Bồ Tát là người. Nếu nói dễ hiểu hơn một chút, Bồ Tát là một người sáng tỏ, phạm phu là một người hồ đồ, như vậy thì mọi người dễ hiểu. Đối với hết thầy người, hết thầy việc, hết thầy vật đều rõ ràng, đều sáng tỏ, biết nghiệp nhân quả báo của nó, chúng ta thường gọi là nhân duyên quả báo, như vậy thì bạn được xưng là Bồ Tát. Nếu bạn không hiểu rõ, đối người, đối việc, đối vật đều chẳng rõ ràng, không hiểu như thế nào về sự việc, như vậy thì gọi là phạm phu. Danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát chúng ta giới thiệu đơn giản đến đây.

Phía sau còn có hai chữ “bổn nguyện”. Bổn là căn bản, nghĩa ở đây là nói nguyện này của Ngài không phải đời này mới phát. Chúng ta biết rằng hết thầy chúng sanh đều có đời quá khứ và cũng có đời vị lai, thế nên gọi là ba đời. Địa Tạng Bồ Tát ở trong đời quá khứ đã phát cái nguyện này, quá khứ còn có quá khứ, quá khứ vô thí, vô thí kiếp đến nay đời đời kiếp kiếp đều phát nguyện này, chúng ta gọi nguyện này là bổn nguyện. Thế nên nguyện này là có căn bản, không phải trong đời này mới phát. “Nguyện” là một thứ hy vọng, là một thứ mong cầu; hy vọng, mong cầu này có thể đạt tới viên mãn, vậy liền gọi là nguyện. Nếu như nói ý nghĩa sâu thêm một chút, bổn chính là chân như bổn tánh, còn nguyện là từ trong bổn tánh phát sanh ra, đây mới là ý nghĩa chân chánh của bổn nguyện trong pháp Đại thừa.

Bồ Tát như trong kinh Hoa Nghiêm gọi là Pháp thân Đại sĩ, đã đoạn dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đã đoạn sạch rồi. Có câu phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, đích thật khế nhập vào cảnh giới trên quả địa Như Lai, tuy không thể khế nhập sâu vào, nhưng cũng đã tiến vào, đã minh tâm kiến tánh, nguyện lúc ấy là từ trong tự tánh phát ra. Người chưa có kiến tánh là xây dựng tâm nguyện này từ trong thức. Chúng ta nói có đời quá khứ, trong đời quá khứ vẫn còn đời quá khứ nữa, nhiều đời nhiều kiếp đều phát nguyện này, đây là nói từ trong tâm thức; sau khi minh tâm kiến tánh thì nói từ trong bổn tánh, hai ý nghĩa này đều có thể gọi là bổn nguyện, ý nghĩa của bổn nguyện sâu cạn có khác nhau.

Nhưng trong “tướng dụng” còn gần hơn. Ở trên sự tướng thì vô lượng kiếp qua đời đời kiếp kiếp đều có nguyện này, nguyện lực này rất mạnh, cũng không dễ dàng bị cảnh giới bên ngoài làm biến đổi. Cho dù bị cảnh giới làm lay động, nó sẽ xoay về rất nhanh, nó sẽ giác ngộ, nó sẽ quay về, nó có thể sám hối. Nếu như là nguyện mới phát trong đời này, hoặc giả là trong đời quá khứ, hai đời trước mới phát nguyện, sức mạnh này của nó rất yếu, rất dễ bị ngoại cảnh mê hoặc; sau khi mê không dễ quay về, không biết sám hối, thế nên chúng ta liền biết được nguyện lực này không đủ độ sâu, cũng chính là nó không có bổn, nếu có bổn thì nhất định sẽ chịu quay về. Trong Quán Kinh chúng ta thấy vua A Xà Thế tạo các thứ tội nghiệp, đến khi nhận chịu quả báo, bệnh khổ hiện tiền, tướng địa ngục hiện ra, ông có thể hối lỗi, có thể sửa đổi. Nói rõ ra là ông trong đời quá khứ, đời đời kiếp kiếp ông tu trì có sức mạnh, nguyện lực của ông rất mạnh, tuy có một lúc hồ đồ, một lúc mê mất, nhưng đến lúc nguy ngập, cấp bách ông còn có thể giác ngộ. Đây đều là thấy từ trên sự tướng.

Như vậy nguyện của Pháp thân Bồ Tát là từ trong tự tánh phát ra, đó mới là bốn nguyện chân thật, nhất định sẽ không bị ngoại cảnh lay động. Cho dù ở thời đại hiện nay, trong kinh Phật nói: “*Tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng*”, họ cũng sẽ như như bất động, không bị ảnh hưởng. Đây là một chút ý nghĩa của bốn nguyện.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.